

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình khuyến công
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 – 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất) quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất) ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (trước hợp nhất) ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất) quy định việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1198/TTr-SCT ngày 11/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT).

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường quốc tế và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Các địa phương thực hiện được các đề án khuyến công điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các đề án điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương; các mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Xây dựng 04 mô hình trình diễn kỹ thuật, phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Hỗ trợ 143 cơ sở chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường cho 04 cơ sở công nghiệp nông thôn. Tổ chức 04 hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường cho 04 cụm công nghiệp. Duy trì quản lý, vận hành trang cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp thành phố.

b) Tổ chức 02 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (SPCNNTTB) cấp xã, cấp thành phố. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm CNNT cho 08 cơ sở CNNT. Tổ chức 02 hội chợ triển lãm Công Thương vùng Đồng bằng sông Hồng. Tổ chức và tham gia 05 Hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu khu vực phía Bắc. Hỗ trợ 60 gian hàng cho các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm tại các tỉnh/thành phố trong nước. Hỗ trợ cho 25 cơ sở đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm CNNT các cấp, hàng thủ công mỹ nghệ gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính và các hoạt động xúc tiến thương mại khác. Hỗ trợ xây dựng 01 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường các sản phẩm CNNT. Mở 04 lớp đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các cơ sở CNNT.

c) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập 03 hiệp hội, hội ngành nghề. Hỗ trợ hình thành 03 cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến. Hỗ trợ 18 cơ sở CNNT tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

d) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho 375 cán bộ quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao. Đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho khoảng 140 học viên. Tổ chức 04 hội thảo, diễn đàn chuyên đề áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

đ) Xuất bản 20 kỳ bản tin Công Thương (04 kỳ/năm). Duy trì hoạt động, nâng cấp Trang tin điện tử, nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền và phổ biến cơ sở dữ liệu về khuyến công và sản xuất sạch hơn. Hỗ trợ 12 cơ sở thuê tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực, liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh và thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi ngành hàng, chuỗi giá trị. Hình thành các mô hình/cụm liên kết sản xuất - tiêu thụ- logistics trong các ngành chế biến nông lâm thủy sản; dệt may; thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh, ưu tiên các ngành tiêu thụ năng lượng lớn như chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất thực phẩm, cơ khí.

e) Xây dựng Chương trình khuyến công thành phố Hải Phòng giai đoạn 2031 - 2035. Tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình khuyến công thành phố giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức 05 lớp tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công. Tổ chức 05 đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm, liên kết phát triển ngành nghề công nghiệp nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất sạch hơn và cụm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố phía Bắc, phía Nam. Phát triển mạng lưới khuyến công các xã và đặc khu; duy trì và phát triển mạng lưới cộng tác viên cấp xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công. Tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu, kết nối, liên thông, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu về khuyến công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước; chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn thành phố.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố.

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương các cấp của thành phố, năng lực thực hiện của Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; các xã, đặc khu thuộc thành phố trực thuộc trung ương; các làng nghề được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

- Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng:

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công giai đoạn 2026-2030 theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

d) Hỗ trợ liên kết các cơ sở CNNT với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở CNNT.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT:

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

b) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT:

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, giám đốc điều hành; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn; Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông:

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở CNNT phù hợp với quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công:

a) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công của thành phố.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

c) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.

d) Tăng cường hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin; tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến công quốc gia theo mô hình số hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công.

g) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, ngân sách thành phố phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố; vốn của cơ sở công nghiệp nông thôn, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án mục tiêu; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để đầu tư, phát triển công nghiệp nông thôn.

2. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Bộ Công Thương bố trí kinh phí từ ngân sách trung ương để thực hiện các đề án khuyến công quốc gia.

Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Công Thương, hàng năm căn cứ khả năng cân đối của ngân sách thành phố, Sở Tài chính tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động khuyến công địa phương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Chương trình, có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Chương trình và xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công hàng năm theo nội dung Chương trình; tổng hợp đăng ký kế hoạch khuyến công hàng năm gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công của thành phố phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt danh sách cộng tác viên khuyến công; bổ sung nguồn lực cho Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình.

d) Chủ trì kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu của Chương trình đề ra.

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện Chương trình gửi Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan theo quy định. Tổng kết, biểu dương, đề xuất khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Tài Chính

a) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Công Thương, hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp cho hoạt động khuyến công của thành phố theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

c) Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương và các sở ban ngành địa phương, đơn vị liên quan, tổng hợp, xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí từ ngân sách thành phố cho các dự án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Cung cấp thông tin về các công nghệ mới và hoạt động chuyển giao công nghệ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; các đề tài, dự án đã nghiên cứu thành công để các cơ sở công nghiệp nông thôn nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy hiệu quả các đề tài. Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích,... đối với sản phẩm công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp.

4. Kho bạc nhà nước khu vực III

Thực hiện kiểm soát, thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo đúng chế độ chi tiêu; chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước của Bộ Tài chính và các quy định liên quan khác.

5. Các Sở, ngành, cơ quan có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí khuyến công, thực hiện lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan đến phát triển công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp nông thôn, làng nghề trên địa bàn thành phố với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện, đảm bảo tránh trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ nội dung Chương trình, hàng năm xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công thành phố gửi Sở Công Thương tổng hợp; xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các đề án khuyến công để bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép Chương trình khuyến công của thành phố với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

c) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

7. Các đơn vị thực hiện, đề án khuyến công cơ sở thụ hưởng các đề án khuyến công

a) Lập đề án và dự toán chi tiết kinh phí khuyến công theo quy định; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động khuyến công để làm căn cứ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án theo đúng nội dung, tiến độ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả; tổ chức thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đề án sau khi hoàn thành và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đề án của đơn vị.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc nhà nước Khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- CT, PCT UBND TP Hoàng Minh Cường;
- Sở Công Thương;
- PCVP UBND TP Phạm Huy Hoàng
- Các phòng: XD&CT, TC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN
CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ/UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân
thành phố Hải Phòng)

| TT | Nội dung chương trình/dề án | ĐVT | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | Năm 2029 | Năm 2030 | Tổng nội dung |
|------------|--|------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|---------------|
| I | Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (TTCN); xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH); xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới | Mô hình | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| 2 | Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, tự động hóa, công nghệ 4.0 vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | Cơ sở | 24 | 29 | 29 | 29 | 32 | 143 |
| 3 | Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường | Cơ sở | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| 4 | Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp | Cơ sở | | | | | | |
| 5 | Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn và nhân rộng mô hình áp dụng | Mô hình | | | | | | |
| 6 | Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. | Hội nghị | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| 7 | Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp | CCN | | | | | | |
| II | Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu | | | | | | | |
| 1 | Tổ chức hội chợ triển lãm Công Thương vùng Đồng bằng sông Hồng | Hội chợ | | 1 | | 1 | | 2 |
| 2 | Tổ chức và tham gia Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Bắc | Kỳ HCTL | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| 3 | Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại xã | Hội chợ | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm tại các tỉnh/thành phố trong nước | Gian hàng | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 60 |
| 5 | Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (SPCNNTTB) cấp xã, thành phố. | Cuộc bình chọn | 1 | 1 | | 1 | | 3 |
| 6 | Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn | Nhãn hiệu | | 2 | 2 | 2 | 2 | 8 |
| 7 | Hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính và các hoạt động xúc tiến thương mại khác (cấp xã, thành phố) | Cơ sở | 2 | 3 | 3 | 3 | 4 | 25 |
| 8 | Hỗ trợ xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường | Hệ thống cơ sở dữ liệu | | 1 | | | | 1 |
| 9 | Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn | Lớp | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| III | Hỗ trợ liên doanh, liên kết; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|--------------|----|----|----|----|----|-----|
| 1 | Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề | Hội | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ hình thành cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến | Cụm liên kết | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến | Cơ sở | | | | | | |
| 4 | Quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng | Cụm | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| IV | Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao | Người | 75 | 75 | 75 | 75 | 75 | 375 |
| 2 | Đào tạo giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn | Người | | 35 | 35 | 35 | 35 | 140 |
| 3 | Đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp (01 lớp 40 học viên) | Lớp | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| 4 | Hội thảo, diễn đàn chuyên đề về áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp | Hội nghị | | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| V | Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn; công tác truyền thông | | | | | | | |
| 1 | Xuất bản Bản tin Công Thương (04 kỳ/năm) | Kỳ | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 20 |
| 2 | Duy trì hoạt động, nâng cấp Trang tin điện tử, nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền và phổ biến cơ sở dữ liệu về khuyến công và sản xuất sạch hơn | Năm | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| 3 | Hỗ trợ thuê tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực, liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh và thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn | Cơ sở | | 3 | 3 | 3 | 3 | 12 |
| 4 | Tập huấn, phổ biến, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước | Hội nghị | | | | | | |
| VI | Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn, công nghiệp nông thôn và cụm công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Chương trình khuyến công thành phố Hải Phòng giai đoạn 2031-2035 | Đoàn | | | | | 1 | 1 |
| 2 | Tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình khuyến công thành phố giai đoạn 2026-2030 | Hội nghị | | | | | 1 | 1 |
| 3 | Tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công | Hội nghị | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| 4 | Tổ chức đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm, liên kết phát triển ngành nghề công nghiệp nông thôn, CNHT, sản xuất sạch hơn và cụm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố | Đoàn | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| 5 | Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công | Năm | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 5 |
| 6 | Ứng dụng Dữ liệu công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công. | Chương trình | | 1 | | | | 1 |